

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 9 - 2022

V/v tranh chấp, chia tài sản
sau khi ly hôn và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Nô.

Ông Vàng Bảo Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Minh Hậu - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về “*Tranh chấp, chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thúy N; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, đơn bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn năm 2014. Đến năm 2020 do mâu thuẫn gia đình nên chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang; về quan hệ hôn nhân chị Hoàng Thị T đã ly hôn với anh Hoàng Văn T; về con chung chị Hoàng Thị T nuôi con; về tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nhưng đến nay về tài sản chung và công nợ chung

không thỏa thuận được. Chị Hoàng Thị T làm đơn khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung.

Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T viết đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/8/2022 không yêu cầu chia tài sản chung.

Nay đề nghị chia khoản nợ chung món vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay Mua trâu sinh sản, thời hạn vay 60 (*Sáu mươi*) tháng, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả cuối ngày 06/3/2024, sau đó anh Hoàng Văn T mua 01 con trâu cái của ông Trần Ngọc T trị giá 15.000.000 đồng tại thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang xong trong năm 2019 anh T bán trâu cho anh Dương Văn K ở thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang giá 16.000.000 đồng để lấy tiền chuyển nhà cũ và mua vật liệu làm nhà mới, số tiền còn lại 32.000.000 đồng đã chi tiêu làm nền nhà mới mở đường lên nhà, mua cột, xà nhà, mua tấm lợp FIBRÔ xi măng, lắp đặt hệ thống điện, kéo đường dây điện và trả tiền công thợ hết. Hiện nay nợ tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 2.556.900 đồng. Tổng cộng là 52.556.900 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*).

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị T đề nghị: Về chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết; về khoản nợ chung yêu cầu chia đôi tiền nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 52.556.900 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*). Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị T tiền gốc và tiền lãi 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để chị T thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn anh Hoàng Văn T quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, chuyển nhà cũ làm nhà mới và mua trâu năm 2019, ly hôn chị Hoàng Thị T trình bày là đúng và chị Hoàng Thị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn không yêu cầu giải quyết anh Hoàng Văn T nhất trí. Đối với món nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B chia đôi không nhất trí. Lý do anh Hoàng Văn T không được vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội huyện B và sử dụng số tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), chị Hoàng Thị T tự vay và sử dụng vào mục đích gì thế nào anh Hoàng Văn T không biết nên không nhất trí trả cho chị Hoàng Thị T tiền gốc và tiền lãi 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*). Ngoài ra không có đề nghị thêm gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa trình bày: Ngày 06/3/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang đã giải ngân cho chị Hoàng Thị T vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); mục đích vay mua trâu sinh sản, thời hạn vay 60 (*Sáu mươi*) tháng, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả cuối ngày 06/3/2024. Món vay trên do chị Hoàng Thị T đứng tên người vay và người thừa kế anh Hoàng Văn T quan hệ với người vay là chồng. Đến nay chị Hoàng Thị T nợ tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi đến hết ngày 23/9/2022

là 2.556.900 đồng. Tổng cộng là 52.556.900 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền đề nghị: Buộc chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tiền lãi phát đến ngày 23/9/2022 là 2.556.900 đồng và lãi phát sinh khi món vay được tắt toán.

- Biên bản xác minh ngày 08/8/2022, tại thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang ông Trần Ngọc T xác nhận vào khoảng tháng 4/2019 anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị T đến gia đình mua 01 con trâu cái, sắc lông màu đen trị giá 15.000.000 đồng không làm giấy tờ mua bán, anh T là người trực tiếp trả tiền mua trâu.

- Biên bản xác minh ngày 08/9/2022, tại tổ trưởng tổ vay vốn thôn B, xã L xác nhận chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T tại thời điểm năm 2019 vợ chồng chưa ly hôn. Chị Hoàng Thị T đứng tên người vay và người thừa kế anh Hoàng Văn T quan hệ với người vay là chồng, vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 50.000.000 đồng Ngân hàng giải ngân có chị T và anh T, trong thời điểm đó gia đình có chuyển nhà cũ làm nhà mới dựng tại đất vườn rừng của gia đình tại thôn B, xã L.

Tranh luận phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị không có thay đổi, bổ sung thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, như xác định tư cách tham gia tố tụng; quan hệ tranh chấp, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; trình tự thụ lý, giao nhận các văn bản tố tụng, thời gian xét xử, chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng thành phần quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với bị đơn anh Hoàng Văn T tại giai đoạn giải quyết vụ án không có mặt tại địa phương, nên việc thu thập chứng cứ rất khó khăn.

Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị T trong đơn khởi kiện “*Tranh chấp, chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung*”, trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T viết đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/8/2022 và được anh Hoàng Văn T nhất trí không yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, nên không đề cập giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 282, 463 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 27, 37, 59 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14,

khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T Về chia tài sản chung sau khi ly hôn và nợ chung.

Về nợ chung: Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả khoản tiền vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất đến hết ngày 23/9/2022 là 2.556.900 đồng. Tổng cộng là 52.556.900 đồng, từ ngày 24/9/2022 tiền gốc theo hợp đồng và lãi phát sinh khi món vay được tất toán.

Buộc bị đơn anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự trong vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn và nợ chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn anh Hoàng Văn T, nơi cư trú tại huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T thống nhất không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về nợ chung: Chị Hoàng Thị T vay món nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B năm 2019 là 50.000.000 đồng có thật. Mục đích vay Mua trâu sinh sản, sau đó anh Hoàng Văn T cùng chị Hoàng Thị T đi mua trâu cái nhà ông Trần Ngọc T trị giá 15.000.000đ đồng thời trong năm 2019 đã bán trâu tập chung vào việc chuyển nhà cũ làm nhà mới. Tổ trưởng tổ vay vốn thôn Bản K và UBND xã L xác nhận thời điểm chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn T có vay tiền và làm nhà năm 2019. Anh Hoàng Văn T cho rằng chị Hoàng Thị T vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là do chị Hoàng Thị T tự vay sử dụng vào mục đích riêng, anh Hoàng Văn T không biết nên không chịu trách nhiệm về khoản tiền vay của chị Hoàng Thị T là không có cơ sở chấp nhận. Ngân hàng chính sách xã hội huyện B xác nhận quá trình giải ngân tiền vay phải có mặt vợ, chồng thì mới cho chị Hoàng Thị T nhận số tiền vay 50.000.000 đồng do chị Hoàng Thị T đứng tên người vay tiền và người thừa kế anh Hoàng Văn T quan hệ với người vay là chồng tại thời điểm năm 2019 là phù hợp quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở kết luận món nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên chị Hoàng Thị T yêu cầu chia món nợ chung là phù hợp nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang, tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất đến ngày 23/9/2022 là 2.556.900 đồng, tổng cộng là 52.113.809 đồng. Từ ngày 24/9/2022 tiền gốc theo hợp đồng và lãi phát sinh khi món vay được tất toán. Buộc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho chị Hoàng Thị T tổng cộng 26.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 27, 37, 59 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 282, 463 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 27, 37, 59 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T về chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung.

2. Về khoản nợ chung:

- Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả khoản tiền vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang, tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 23/9/2022 là 2.556.900 đồng. Tổng cộng 52.556.900 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*), từ ngày 24/9/2022 tiền gốc theo hợp đồng và lãi suất phát sinh khi món vay được tất toán.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả chị Hoàng Thị T 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Ngân hàng CSXH huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công